



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/04/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016***Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/04/2016
A-Tài sản ngắn hạn <i>(100=110+120+130+140+150)</i>	100		261.635.373.143	208.220.703.230
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.719.138.952	22.162.350.565
1. Tiền	111		16.419.863.952	16.162.350.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.299.275.000	6.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.380.000.000	224.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.380.000.000	224.000.000
III- Các khoản phải thu	130		105.994.610.873	101.503.733.572
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	74.469.367.371	56.848.821.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	25.052.561.758	23.574.031.627
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	5.404.104.587	9.160.852.587
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.08	41.207.430.121	52.058.881.265
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(40.138.852.964)	(40.138.852.964)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV- Hàng tồn kho	140	V.06	122.846.408.712	79.870.874.154
1. Hàng tồn kho	141		124.500.105.744	81.524.571.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.653.697.032)	(1.653.697.032)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		9.695.214.606	4.459.744.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	263.264.164	192.428.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.706.003.791	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	6.725.946.651	4.267.316.050
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016***Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/04/2016
B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		154.349.378.362	155.631.934.780
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		174.617.859	174.617.859
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		174.617.859	174.617.859
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II- Tài sản cố định	220		66.933.541.691	68.133.114.647
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	47.264.237.328	48.271.893.825
- Nguyên giá	222		65.470.098.358	65.470.098.358
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.205.861.030)	(17.198.204.533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.669.304.363	19.861.220.822
- Nguyên giá	228		24.251.431.371	24.251.431.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.582.127.008)	(4.390.210.549)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.373.100.343	85.373.100.343
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.02	120.616.100.343	120.616.100.343
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.02	2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02	(40.553.000.000)	(40.553.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.868.118.469	1.951.101.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.868.118.469	1.951.101.931
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		415.984.751.505	363.852.638.010

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/04/2016
A-Nợ phải trả (300=310+330)	300		227.384.879.603	162.521.020.154
I- Nợ ngắn hạn	310		214.690.897.390	143.715.869.141
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	84.368.261.434	56.169.000.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	29.978.436.160	11.585.275.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.292.525.658	410.583.835
4. Phải trả người lao động	314	V.14	-	11.846.942.260
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.161.141.441	9.782.927.516
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	36.419.571.307	20.735.889.776
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	45.975.365.985	25.420.072.044
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	5.082.966.300	5.120.748.374
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.412.629.105	2.644.429.280
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II- Nợ dài hạn	330		12.693.982.213	18.805.151.013
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	2.164.500.865	2.164.500.865
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.299.000.000	7.299.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	9.230.481.348	9.341.650.148
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/04/2016
B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	V.20	188.599.871.902	201.331.617.856
I- Vốn chủ sở hữu	410		188.599.871.902	201.331.617.856
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.249.760.000	153.249.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		153.249.760.000	153.249.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(15.680.000)	(15.680.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.365.791.902	48.097.537.856
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.774.129.856	3.687.715.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.591.662.046	44.409.822.320
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II- Nguồn Kinh Phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		415.984.751.505	363.852.638.010

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2016

Tổng giám đốc



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

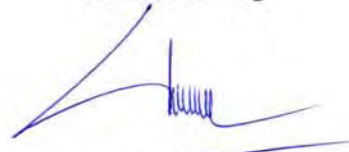
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016		Lũy kế từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	53.665.052.823	8.833.992.996	53.665.052.823	8.833.992.996
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	53.665.052.823	8.833.992.996	53.665.052.823	8.833.992.996
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	43.555.726.130	6.711.216.030	43.555.726.130	6.711.216.030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.109.326.693	2.122.776.966	10.109.326.693	2.122.776.966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	334.947.500	5.129.468.088	334.947.500	5.129.468.088
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	487.418.648	752.213.721	487.418.648	752.213.721
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		481.596.382	687.465.309	481.596.382	687.465.309
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	4.282.651.144	3.065.952.254	4.282.651.144	3.065.952.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.082.520.326	1.537.648.626	3.082.520.326	1.537.648.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.591.684.075	1.896.430.453	2.591.684.075	1.896.430.453
11. Thu nhập khác	31	VI.07	49.960	25.743.582	49.960	25.743.582
12. Chi phí khác	32	VI.08	71.989	31	71.989	31
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(22.029)	25.743.551	(22.029)	25.743.551
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		2.591.662.046	1.922.174.004	2.591.662.046	1.922.174.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.591.662.046	1.922.174.004	2.591.662.046	1.922.174.004

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 7 năm 2016



Lâm Thiều Quân



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/04/2016 đến 30/06/2016	01/04/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.591.662.046	1.922.174.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.199.572.956	1.129.150.784
- Các khoản dự phòng	03		(148.950.874)	10.264.970
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(195.738.935)	(5.113.840.346)
- Chi phí lãi vay	06		481.596.382	687.465.309
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.928.141.575	(1.364.785.279)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.485.593.026)	6.020.680.632
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.975.534.558)	(6.501.024.966)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.265.113.834	32.233.091
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.148.187	96.779.470
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(501.821.659)	(542.473.196)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.500.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		93.618.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(90.704.175)	(98.421.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.254.631.822)	(2.357.011.748)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(916.796.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.380.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.756.748.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(969.804.488)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.493.072.268	7.482.763.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.869.820.268	5.596.162.636

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		39.975.365.985	17.482.813.529
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.420.072.044)	(6.075.627.234)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.613.694.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.400.059)	11.407.186.295
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.443.211.613)	14.646.337.183
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.162.350.565	4.953.554.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	18.719.138.952	19.599.891.776

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



TP. HCM, Ngày 25 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học

4. **Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 Công ty có 125 nhân viên đang làm việc

5. **Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48,01%	48,01%	50.45%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Mua bán các thiết bị điện tử.	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	71,02%	71,02%	71,02%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ít hơn 50% nhưng Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của các cổ đông với tỷ lệ 2,44% vốn cổ phần thực góp trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu là 50,45%. Do vậy Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

10. Chi phí trả trước dài hạn

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 4,5 % trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đối tượng	30/06/2016	01/04/2016
Tiền mặt	40.561.592	185.455.067
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.379.302.360	10.120.971.998
Tiền đang chuyển	-	5.855.923.500
Các khoản tương đương tiền	2.299.275.000	6.000.000.000
Cộng	18.719.138.952	22.162.350.565

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Đối tượng	30/06/2016	01/04/2016
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	4.380.000.000	224.000.000
Cộng	4.380.000.000	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 01/2016/QĐ- TBPS ngày 25 tháng 06 năm 2016 về việc phá sản đối với Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Đối tượng	Giá Gốc	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
		Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá Gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	120.616.100.343	(35.243.000.000)	85.373.100.343	120.616.100.343	(35.243.000.000)	85.373.100.343
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (1)	25.107.804.223	-	25.107.804.223	25.107.804.223	-	25.107.804.223
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (2)	9.266.284.800	-	9.266.284.800	9.266.284.800	-	9.266.284.800
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (3)	9.817.036.601	-	9.817.036.601	9.817.036.601	-	9.817.036.601
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (4)	36.565.360.964	(35.243.000.000)	1.322.360.964	36.565.360.964	(35.243.000.000)	1.322.360.964
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông (5)	10.859.613.755	-	10.859.613.755	10.859.613.755	-	10.859.613.755
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong (6)	29.000.000.000	-	29.000.000.000	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Thái Sơn Tiên Phong	-	-	-	-	-	-
Cộng	125.926.100.343	(40.553.000.000)	85.373.100.343	125.926.100.343	(40.553.000.000)	85.373.100.343

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2016	01/04/2016
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.102.611.245	2.253.525.433
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	402.138.620	735.633.980
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	853.062.837	927.214.310
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	211.161.685	211.161.685
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	453.022.914	-
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	6.336.000	171.552.671
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	-	107.655.874
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	14.810.349	17.094.973
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	-	73.764.887
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	-	9.447.053
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	162.078.840	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	72.366.756.126	54.595.295.624
LIÊN DANH TOSHIBA-HITACHI-ITOCHE	25.380.126.257	25.380.126.257
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam	13.040.488.379	281.287.549
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	9.125.140.300	9.125.140.300
Công ty cổ phần Tasco	-	66.000.000
Công ty cổ phần Tasco Nam Thái	4.826.427.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	5.550.000.000	7.050.000.000
Liên doanh Taisei -Vinaconex	643.303.375	643.303.375
CN Công ty TNHH Trùng Phương tại Quận Hải Châu	1.921.897.020	2.921.897.020
Các khách hàng khác	11.879.373.795	9.127.541.123
Cộng	74.469.367.371	56.848.821.057
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2016	01/04/2016
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	7.695.000.000	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	7.695.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	17.357.561.758	23.574.031.627
Mitsubishi Heavy Industries, Ltd.	5.877.305.680	5.877.305.680
Công ty cổ phần Đầu Tư Hoàng Đạo	-	13.594.064.526
Công ty TNHH 3M Việt Nam	2.984.894.000	-
Công ty CP Công Nghệ ELITE	1.061.884.692	-
Nhà cung cấp khác	7.433.477.386	4.102.661.421
Cộng	25.052.561.758	23.574.031.627

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu các bên liên quan	30/06/2016	01/04/2016
Công ty CP Định Vị Tiên Phong (1)	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thiết bị Điện Thạch Anh (2)	4.704.104.587	4.704.104.587
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	400.000.000	4.156.748.000
Cộng	5.404.104.587	9.160.852.587

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã lập dự phòng toàn bộ các khoản cho vay (1)+(2) và tạm ngừng tính lãi vay.

6. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	100.638.444.194	-	74.315.145.718	-
Hàng hóa	23.861.661.550	1.653.697.032	7.209.425.468	1.653.697.032
Cộng	124.500.105.744	1.653.697.032	81.524.571.186	1.653.697.032

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 1.653.697.032 VND (số đầu năm là 1.653.697.032 VND).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2016	01/04/2016
7a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	199.474.892	157.165.021
Chi phí bảo hành	63.789.272	-
Chi phí khác	-	35.263.868
Cộng	263.264.164	192.428.889
7b. Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	707.381.723	713.359.598
Chi phí sửa chữa	584.853.484	791.384.047
Công cụ, dụng cụ	575.883.262	446.358.286
Cộng	1.868.118.469	1.951.101.931

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

8. Phải thu ngắn hạn khác	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	37.081.687.138	34.467.230.390	48.462.009.805	34.467.230.390
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác	38.265.488	-	44.864.443	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	42.631.196	-	279.782.378	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	26.939.531	-	35.349.082	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cổ tức	-	-	800.000.000	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cho mượn	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong - cho mượn, lãi vay	391.951.500	389.951.500	391.951.500	389.951.500
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - Lãi vay	636.778.890	636.778.890	636.778.890	636.778.890
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - cho mượn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cổ tức	2.435.679.000	-	2.435.679.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh - Khác	68.941.533	-	84.747.812	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Cổ tức	-	-	10.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Khác	-	-	12.356.700	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.125.742.983	-	3.596.871.460	-
Lãi dự thu	-	-	9.938.578	-
Ký cược, ký quỹ	1.907.565.568	-	1.489.009.767	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	339.974	-
Tạm ứng	790.859.000	-	546.354.299	-
Phải thu khác	1.427.318.415	-	1.551.228.842	-
Cộng	41.207.430.121	34.467.230.390	52.058.881.265	34.467.230.390

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

9. Tài sản cố định hữu hình

Đối tượng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	44.587.188.572	17.382.379.854	2.729.636.128	770.893.804	65.470.098.358
Mua mới					-
Thanh lý TSCĐ	-	-	-		-
Số cuối năm	44.587.188.572	17.382.379.854	2.729.636.128	770.893.804	65.470.098.358
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.935.784.912	9.300.660.880	310.690.080	651.068.661	17.198.204.533
Khấu hao trong năm	371.559.906	504.539.601	113.734.842	17.822.148	1.007.656.497
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-			-
Số cuối năm	7.307.344.818	9.805.200.481	424.424.922	668.890.809	18.205.861.030
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.651.403.660	8.081.718.974	2.418.946.048	119.825.143	48.271.893.825
Số cuối năm	37.279.843.754	7.577.179.373	2.305.211.206	102.002.995	47.264.237.328

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

10. Tài sản cố định vô hình

Đối tượng	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Số cuối kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	4.192.308.423	197.902.126	4.390.210.549
Khấu hao trong kỳ	191.916.459	-	191.916.459
Số cuối kỳ	4.384.224.882	197.902.126	4.582.127.008
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	19.861.220.822	-	19.861.220.822
Số cuối kỳ	19.669.304.363	-	19.669.304.363

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2016	01/04/2016
Phải trả các bên liên quan	12.930.770.562	20.034.357.747
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	7.895.500.000	9.163.023.059
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	451.841.720	23.538.900
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	165.200.287	93.381.569
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	47.858.464	106.398.264
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	-	6.305.000.000
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông	4.370.370.091	4.343.015.955
Phải trả các nhà cung cấp khác	71.437.490.872	36.134.643.226
OPTITECH PTE LTD	5.391.273.180	5.391.273.180
Công ty CP TM Hàng Hóa Quốc Tế IPC	9.814.071.750	13.253.871.750
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hoàng Đạo	22.640.328.460	
Công ty CP Tư vấn Quản trị Công nghệ Quốc tế	8.784.594.300	8.784.594.300
Các nhà cung cấp khác	24.807.223.182	8.704.903.996
Cộng	84.368.261.434	56.169.000.973

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/04/2016
Trả trước của các bên liên quan	-	328.939.727
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính		328.939.727
Trả trước của các khách hàng khác	29.978.436.160	11.256.335.356
Công ty TNHH BOT & BT QL20	4.155.000.000	4.155.000.000
Công ty Cổ phần VETC	20.000.000.000	
Các khách hàng khác	5.823.436.160	7.101.335.356
Cộng	29.978.436.160	11.585.275.083

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	342.625.676			(342.625.676)	-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(23.613.639)	1.412.506.156	(1.389.005.655)	-	(113.138)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(49.730.069)	450.765.278	(432.896.380)	-	(31.861.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.193.972.342)		(2.500.000.000)		(6.693.972.342)
Thuế thu nhập cá nhân	67.958.159	-	1.917.262.704	(692.695.205)	1.292.525.658	-
Thuế môn bài	-	-			-	-
Cộng	410.583.835	(4.267.316.050)	3.780.534.138	(5.357.222.916)	1.292.525.658	(6.725.946.651)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm	Không chịu thuế
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan	0%
- Hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2016	01/04/2016
Chi phí thi công cho công trình	9.127.039.774	9.582.107.516
Chi phí lãi vay	34.101.667	-
Chi phí khác	-	200.820.000
Cộng	9.161.141.441	9.782.927.516

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác	30/06/2016	01/04/2016
Phải trả các bên liên quan	30.191.131.080	17.015.483.024
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	2.104.300	2.829.200
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Lãi vay	54.825.000	109.151.944
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	17.939.900	2.170.300
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn	11.300.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Cho mượn	12.000.000.000	13.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Lãi vay	225.676.667	225.676.667
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - khác	26.070.000	26.070.000
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Cho mượn	6.500.000.000	
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh - Phải trả dịch vụ tiện ích	64.515.213	49.584.913
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	6.228.440.227	3.720.406.752
Công ty SKC&C HQ	1.814.105.905	560.000.000
Công ty Cổ Phần Việt Vương	1.211.301.262	1.082.478.000
Công ty CP Máy & Thiết Bị Dầu Khí	1.216.912.628	1.356.912.628
Phải trả khác	1.932.663.862	675.929.554
Nhận ký quỹ, ký cược	53.456.570	45.086.570
Cộng	36.419.571.307	20.735.889.776

16b. Phải trả dài hạn khác

16b. Phải trả dài hạn khác	30/06/2016	01/04/2016
Phải trả các bên liên quan	1.052.562.665	1.052.562.665
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	236.318.500	236.318.500
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	302.645.460	302.645.460
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	84.967.785	84.967.785
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	165.241.240	165.241.240
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	128.152.320	128.152.320
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	135.237.360	135.237.360
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.111.938.200	1.111.938.200
Nhận ký quỹ, ký cược	1.111.938.200	1.111.938.200
Cộng	2.164.500.865	2.164.500.865

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để thanh toán xây dựng trụ sở và bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	7.299.000.000
Số tiền vay phát sinh	
Số tiền vay đã trả	<u>(6.000.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.299.000.000</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	5.120.748.374
Tăng do trích lập trong kỳ	170.657.461
Giảm do hoàn nhập	(45.193.678)
Số sử dụng trong kỳ	<u>(163.245.857)</u>
Số cuối kỳ	<u>5.082.966.300</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	9.211.804.315		9.211.804.315
Dự phòng trợ cấp thôi việc	129.845.833	(111.168.800)	18.677.033
Cộng	9.341.650.148	(111.168.800)	9.230.481.348

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	2.644.429.280
Nhận từ các Công ty con	(141.096.000)
Trích lập trong kỳ	
Chi quỹ trong kỳ	<u>(90.704.175)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.412.629.105</u>

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu

20.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Vốn đầu cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	19.153.010.000	-	-	(19.153.010.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.844.557.105	45.844.557.105
Phát hành cổ phiếu thu tiền	6.384.800.000	-	-	-	6.384.800.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	(593.774.747)	593.774.747	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.434.734.785)	(1.434.734.785)
Số dư cuối kỳ trước	153.249.760.000	(15.680.000)	-	48.097.537.856	201.331.617.856
Số dư đầu năm nay	153.249.760.000	(15.680.000)	-	48.097.537.856	201.331.617.856
Chia cổ tức	-	-	-	(15.323.408.000)	(15.323.408.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.591.662.046	2.591.662.046
Phát hành cổ phiếu thu tiền	-	-	-	-	-
Chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư, ngày 30/06/2016	153.249.760.000	(15.680.000)	-	35.365.791.902	188.599.871.902

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

20 b. Cổ phiếu	30/06/2016	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.324.976	15.324.976
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.324.976	15.324.976
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.324.976	15.324.976
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.323.408	15.323.408
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.323.408	15.323.408
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
1a. Tổng doanh thu	53.665.052.823,00	8.833.992.996,00	245.903.512.882	47.851.123.056
- Doanh thu bán hàng hóa	12.423.009.985	5.625.826.120	12.423.009.985	5.625.826.120
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.242.042.838	3.208.166.876	41.242.042.838	3.208.166.876
Doanh thu thuần	53.665.052.823	8.833.992.996	53.665.052.823	8.833.992.996

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH liên doanh Global Sitem với số tiền là 140.056.860 VND (cùng kỳ năm trước là 138.051.904 VND).

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	9.881.400.284	4.452.768.215	9.881.400.284	4.452.768.215
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.674.325.846	2.258.447.815	33.674.325.846	2.258.447.815
Cộng	43.555.726.130	6.711.216.030	43.555.726.130	6.711.216.030

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	162.286.421	21.009.100	162.286.421	21.009.100
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	131.086.675		131.086.675	
Lãi tiền cho vay	33.452.514		33.452.514	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.943.474.500		1.943.474.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.731.495		4.731.495	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				
Lãi thanh lý các khoản đầu tư		3.164.984.488		3.164.984.488
Khác	3.390.395		3.390.395	
Cộng	334.947.500	5.129.468.088	334.947.500	5.129.468.088

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Chi phí lãi vay	481.596.382	687.465.309	481.596.382	687.465.309
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.822.166	53.805.942	5.822.166	53.805.942
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn				
Dự phòng các khoản nợ gốc và lãi cho vay				
Các khoản chi phí khác	100	10.942.470	100	10.942.470
Cộng	487.418.648	752.213.721	487.418.648	752.213.721

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Chi phí cho nhân viên	3.750.596.131	2.357.291.803	3.750.596.131	2.357.291.803
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.652.997	35.465.750	78.652.997	35.465.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định		6.125.001		6.125.001
Chi phí bảo hành	4.064.731	5.043.509	4.064.731	5.043.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.906.774	515.810.505	219.906.774	515.810.505
Chi phí dự phòng phải thu				
Chi phí khác	229.430.511	146.215.686	229.430.511	146.215.686
Cộng	4.282.651.144	3.065.952.254	4.282.651.144	3.065.952.254

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Chi phí cho nhân viên	2.185.187.180	1.105.726.578	2.185.187.180	1.105.726.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.746.657	33.465.799	69.746.657	33.465.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.757.570	47.777.066	116.757.570	47.777.066
Chi phí dự phòng				
Chi phí dịch vụ mua ngoài	650.493.334	273.027.308	650.493.334	273.027.308
Chi phí khác	60.335.585	77.651.875	60.335.585	77.651.875
Cộng	3.082.520.326	1.537.648.626	3.082.520.326	1.537.648.626

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, CCDC		1.272.727		1.272.727
Hoàn nhập dự phòng				
Thu khác	49.960	24.470.855	49.960	24.470.855
Cộng	49.960	25.743.582	49.960	25.743.582

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	-	-	-
Chi phí khác	71.989	31	71.989	31
Cộng	71.989	31	71.989	31

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
Chi phí hàng hóa xuất bán	27.005.376.747	7.405.134.375	27.005.376.747	7.405.134.375
Chi phí nhân công	5.935.783.311	3.530.593.381	5.935.783.311	3.530.593.381
Thiết bị văn phòng và VPP	148.399.654	68.931.549	148.399.654	68.931.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.207.472.956	1.129.150.784	1.207.472.956	1.129.150.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.653.332.581	5.503.845.302	42.653.332.581	5.503.845.302
Chi phí khác	293.830.827	229.421.070	293.830.827	229.421.070
Cộng	77.244.196.076	17.867.076.461	77.244.196.076	17.867.076.461

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 1/04/2016 đến 30/06/2016 là 858.330.000 VND (cùng kỳ năm trước là 614.250.00 VND).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Công ty con		
Mua hàng	709.645.000	1.123.480.430
Cho thuê kho, thuê văn phòng	685.053.250	460.595.808
Phí nhượng quyền	-	293.682.000
Lãi đi vay	191.502.500	412.781.250
Đi vay	2.000.000.000	13.500.000.000
Nhận cổ tức	-	-
Phải thu chi phí chia sẻ	38.755.633	-
Phải trả chi phí chia sẻ	16.309.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh - Công ty con		
Mua hàng hoá và dịch vụ	-	62.284.000
Cho thuê kho, thuê văn phòng	205.746.648	231.017.847
Phí nhượng quyền	-	151.596.000
Phải thu chi phí chia sẻ	51.644.032	-
Phải trả chi phí chia sẻ	13.573.000	-
Bàn hàng hoá và dịch vụ	722.330.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Công ty con		
Phí nhượng quyền	-	93.077.185
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	467.332.481	379.992.847
Mua hàng hoá	34.314.000	-
Phải thu chi phí chia sẻ	764.740	-
Phải trả chi phí chia sẻ	1.913.000	-
Lãi cho vay	33.452.514	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - công ty con		
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	-	88.418.905
Mua hàng hoá và dịch vụ	65.289.744	8.719.086
Lãi đi vay	-	31.270.833
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - công ty con		
Mua hàng hoá và dịch vụ	24.867.397	975.744.036
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	-	174.063.629
Lãi đi vay	-	71.890.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - công ty con

Cho Thuê kho, thuê văn phòng	-	86.000.920
Nhận cổ tức	-	-
Phí nhượng quyền	-	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	-	-
Mượn tiền	-	-

Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development - công ty con

Cho thuê kho, thuê văn phòng	37.017.432	-
Nhận cổ tức	-	-
Đi vay	3.700.000.000	-
Lãi vay	34.101.667	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty còn dùng 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu của Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Lĩnh vực điện	944.770.000	840.868.657	103.901.343
Lĩnh vực giao thông thông minh	47.937.885.883	38.288.746.910	9.649.138.973
Lĩnh vực viễn thông tin học	2.749.103.360	2.436.480.601	312.622.759
Khác	2.033.293.580	1.989.629.962	43.663.618
Tổng cộng	53.665.052.823	43.555.726.130	10.109.326.693

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	53.665.052.823	8.833.992.996	44.831.059.827	507%
Lợi nhuận gộp	10.109.326.693	2.122.776.966	7.986.549.727	376%
Doanh thu tài chính	334.947.500	5.129.468.088	(4.794.520.588)	-93%
Chi phí tài chính	487.418.648	752.213.721	(264.795.073)	-35%
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.591.662.046	1.922.174.004	669.488.042	35%

Tổng doanh thu so với cùng kỳ năm trước tăng 507% do một số dự án của công ty đã hoàn tất trong kỳ này, dẫn đến lãi gộp tăng 376%. Tuy nhiên doanh thu hoạt động tài chính giảm 93% chủ yếu là do trong kỳ này không có doanh thu từ cổ tức và thoái vốn như kỳ trước. Chính vì nguyên nhân chủ yếu trên mà dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng 35% so với cùng kỳ năm trước.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân